

ĐỀ VIP 9+ - ĐỀ SỐ 8

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

DISCOVER THE WILD AT PEAK ADVENTURE CENTRE!

Looking for a (1) _____ outdoor experience? At Peak Adventure Centre, you'll find thrilling activities (2) _____ to challenge and excite. From mountain climbing and river rafting to an exhilarating ropes course, there's something for everyone here!

Our dedicated instructors provide expert guidance, allowing enjoying (3) _____ adventure safely and at your own pace. For those new (4) _____ adventure sports, we offer beginner-friendly programmes covering the basics while ensuring safety. All equipment is included, ensuring a stress-free experience. Peak Adventure Centre is located near a (5) _____, creating a perfect base for a weekend escape, surrounded by nature's beauty.

Have questions or want to book? (6) _____ us a ring at (555) 123-4567 – we're ready to make your adventure unforgettable!

- | | | | | |
|--------------------|-------------------------|---------------|-------------------------|-----------------|
| Question 1. | A. refreshed | B. refreshing | C. refresh | D. refreshment |
| Question 2. | A. designed | B. designing | C. are designed | D. which design |
| Question 3. | A. other | B. each | C. several | D. the others |
| Question 4. | A. with | B. for | C. by | D. to |
| Question 5. | A. stunning lake forest | | B. lake stunning forest | |
| | C. forest stunning lake | | D. stunning forest lake | |
| Question 6. | A. Book | B. Take | C. Give | D. Put |
-

DỊCH BÀI:

Looking for a refreshing outdoor experience? At Peak Adventure Centre, you'll find thrilling activities designed to challenge and excite. From mountain climbing and river rafting to an exhilarating ropes course, there's something for everyone here!

Our dedicated instructors provide expert guidance, allowing enjoying each adventure safely and at your own pace. For those new to adventure sports, we offer beginner-friendly programmes covering the basics while ensuring safety. All equipment is included, ensuring a stress-free experience. Peak Adventure Centre is located near a stunning forest lake, creating a perfect base for a weekend escape, surrounded by nature's beauty.

Have questions or want to book? Give us a ring at (555) 123-4567 – we're ready to make your adventure unforgettable!

Bạn đang tìm kiếm một trải nghiệm ngoài trời tươi mới? Tại Trung tâm Phiêu lưu Peak, bạn sẽ tìm thấy các hoạt động thú vị được thiết kế để thử thách và mang lại sự phấn khích. Từ leo núi và chèo thuyền vượt sông đến khóa học dây mạo hiểm, ở đây có điều gì đó dành cho tất cả mọi người!

Đội ngũ huấn luyện viên tận tâm của chúng tôi cung cấp hướng dẫn chuyên nghiệp, giúp bạn tận hưởng từng cuộc phiêu lưu một cách an toàn và theo tốc độ của riêng mình. Đối với những người mới với các môn thể thao mạo hiểm, chúng tôi có các chương trình thân thiện với người mới bắt đầu, bao gồm những điều cơ bản và đảm bảo an toàn. Tất cả thiết bị đều được bao gồm, mang đến một trải nghiệm không căng thẳng. Trung tâm Phiêu lưu Peak nằm gần một hồ nước tuyệt đẹp trong rừng, tạo nên một nơi lý tưởng cho kỳ nghỉ cuối tuần, bao quanh bởi vẻ đẹp thiên nhiên.

Có thắc mắc hoặc muốn đặt chỗ? Gọi cho chúng tôi theo số (555) 123-4567 – chúng tôi sẵn sàng làm cho cuộc phiêu lưu của bạn trở nên khó quên!

GIẢI CÂU 1:

- refreshed (adj): cảm thấy trẻ trung, tươi mới
- refreshing (adj): mang lại sự trẻ trung, tươi mới
- refresh (v): làm tươi mới
- refreshment (n): đồ ăn nhẹ, sự tươi mới

Ta cần dùng tính từ trước cụm danh từ 'outdoor experience'. Để thể hiện tính chất của trải nghiệm, ta dùng refreshing.

Tạm dịch: Looking for a refreshing outdoor experience? (Bạn đang tìm kiếm một trải nghiệm ngoài trời tươi mới?)

→ **Chọn đáp án B**

GIẢI CÂU 2:

Rút gọn Mệnh đề quan hệ

Câu đầy đủ: At Peak Adventure Centre, you'll find thrilling activities **which are designed** to challenge and excite. Mệnh đề quan hệ bị động được rút gọn bằng cách lược bỏ đại từ quan hệ và to be, giữ lại quá khứ phân từ.

Tạm dịch: At Peak Adventure Centre, you'll find thrilling activities designed to challenge and excite. (Tại Trung tâm Phiêu lưu Peak, bạn sẽ tìm thấy các hoạt động thú vị được thiết kế để thử thách và mang lại sự phấn khích.)

→ **Chọn đáp án A**

GIẢI CÂU 3:

- A. other + N nhiều: những cái khác
- B. each + N ít: mỗi, từng
- C. several + N nhiều: một vài
- D. the others: những cái còn lại

Tạm dịch: Our dedicated instructors provide expert guidance, allowing enjoying each adventure safely and at your own pace. (Đội ngũ huấn luyện viên tận tâm của chúng tôi cung cấp hướng dẫn chuyên nghiệp, giúp bạn tận hưởng từng cuộc phiêu lưu một cách an toàn và theo tốc độ của riêng mình.)

→ **Chọn đáp án B**

GIẢI CÂU 4:

Cấu trúc:

Be new to: còn mới mẻ, chưa quen với điều gì

Tạm dịch: For those new to adventure sports, we offer beginner-friendly programmes covering the basics while ensuring safety. (Đối với những người mới với các môn thể thao mạo hiểm, chúng tôi có các chương trình thân thiện với người mới bắt đầu, bao gồm những điều cơ bản và đảm bảo an toàn.)

→ **Chọn đáp án D**

GIẢI CÂU 5:

Trật tự tính từ:

- stunning (adj): tuyệt đẹp
- forest lake (n): hồ trong rừng

Ta dùng tính từ trước cụm danh từ forest lake.

Tạm dịch: All equipment is included, ensuring a stress-free experience. Peak Adventure Centre is located near a stunning forest lake, creating a perfect base for a weekend escape, surrounded by nature's beauty. (Tất cả thiết bị đều được bao gồm, mang đến một trải nghiệm không căng thẳng. Trung tâm Phiêu lưu Peak nằm gần một hồ nước tuyệt đẹp trong rừng, tạo nên một nơi lý tưởng cho kỳ nghỉ cuối tuần, bao quanh bởi vẻ đẹp thiên nhiên.)

→ **Chọn đáp án D**

GIẢI CÂU 6:

Cấu trúc:

Give someone a ring: gọi điện thoại cho ai đó

Tạm dịch: Have questions or want to book? Give us a ring at (555) 123-4567 (Có thắc mắc hoặc muốn đặt chỗ? Gọi cho chúng tôi theo số (555) 123-4567)

→ **Chọn đáp án C**

Read the following notice and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits

each of the numbered blanks from 7 to 12.

NOTICE: ASEAN STUDENT EXCHANGE PROGRAMME

We are pleased to announce an upcoming exchange programme for high school students from ASEAN countries. This programme aims to (7) _____ stronger cultural ties and mutual understanding. Students will participate in a (8) _____ of activities, including cultural workshops, team-building events, and local excursions. Participants will have the opportunity to (9) _____ with peers from different countries, building friendships and shared experiences. The programme will involve (10) _____ about sustainable development and community (11) _____. (12) _____ the application process, please contact the Student Affairs Office. We look forward to your contribution to this exciting regional experience!

- | | | | | |
|---------------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Question 7. | A. make out | B. turn into | C. bring about | D. put up |
| Question 8. | A. variety | B. degree | C. volume | D. quality |
| Question 9. | A. promote | B. contribute | C. evaluate | D. interact |
| Question 10. | A. learning | B. to learning | C. to learn | D. learn |
| Question 11. | A. purposes | B. influences | C. initiatives | D. resources |
| Question 12. | A. In the light of | B. With regards to | C. Apart from | D. In place of |
-

DỊCH BÀI:

We are pleased to announce an upcoming exchange programme for high school students from ASEAN countries. This programme aims to bring about stronger cultural ties and mutual understanding. Students will participate in a variety of activities, including cultural workshops, team-building events, and local excursions. Participants will have the opportunity to interact with peers from different countries, building friendships and shared experiences. The programme will involve learning about sustainable development and community initiatives. With regards to the application process, please contact the Student Affairs Office. We look forward to your contribution to this exciting regional experience!

Chúng tôi vui mừng thông báo về một chương trình trao đổi sắp tới dành cho học sinh trung học đến từ các nước ASEAN. Chương trình này nhằm mang lại mối quan hệ văn hóa mạnh mẽ hơn và sự hiểu biết lẫn nhau. Học sinh sẽ tham gia vào một loạt các hoạt động, bao gồm hội thảo văn hóa, sự kiện xây dựng đội nhóm và các chuyến đi tham quan địa phương. Những người tham gia sẽ có cơ hội tương tác với các bạn từ các quốc gia khác, xây dựng tình bạn và những trải nghiệm chung. Chương trình sẽ bao gồm việc học về phát triển bền vững và các sáng kiến cộng đồng. Về quy trình nộp đơn, vui lòng liên hệ với Phòng Công tác Học sinh. Chúng tôi mong chờ sự tham gia của bạn vào trải nghiệm khu vực đầy thú vị này!

GIẢI CÂU 7: GIA SU' TẠI HUẾ (0793833272)

- A. hiểu ra, nhận ra
- B. biến thành, trở thành
- C. mang lại, gây ra
- D. dựng lên

Tạm dịch: This programme aims to bring about stronger cultural ties and mutual understanding. (Chương trình này nhằm mang lại mối quan hệ văn hóa mạnh mẽ hơn và sự hiểu biết lẫn nhau.)

→ **Chọn đáp án C**

GIẢI CÂU 8:

- a variety of + N số nhiều: một loại, nhiều loại
- degree of N không đếm được: mức độ, lượng
- volume + N không đếm được: lượng
- quality (n): chất lượng

Tạm dịch: Students will participate in a variety of activities, including cultural workshops, team-building events, and local excursions. (Học sinh sẽ tham gia vào một loạt các hoạt động, bao gồm hội thảo văn hóa, sự kiện xây dựng đội nhóm và các chuyến đi tham quan địa phương.)

→ **Chọn đáp án A**

GIẢI CÂU 9:

- A. thúc đẩy, quảng bá
- B. đóng góp
- C. đánh giá
- D. tương tác

Cấu trúc:

Interact with someone: tương tác với ai đó

Tạm dịch: Participants will have the opportunity to interact with peers from different countries, building friendships and shared experiences. (Những người tham gia sẽ có cơ hội tương tác với các bạn từ các quốc gia khác, xây dựng tình bạn và những trải nghiệm chung.)

→ **Chọn đáp án D**

GIẢI CÂU 10:

Cấu trúc:

Involve + V-ing: bao gồm, liên quan đến

Tạm dịch: The programme will involve learning about sustainable development and community initiatives. (Chương trình sẽ bao gồm việc học về phát triển bền vững và các sáng kiến cộng đồng.)

→ **Chọn đáp án A**

GIẢI CÂU 11:

- A. mục đích
- B. sự ảnh hưởng
- C. sáng kiến
- D. tài nguyên

Tạm dịch: The programme will involve learning about sustainable development and community initiatives. (Chương trình sẽ bao gồm việc học về phát triển bền vững và các sáng kiến cộng đồng.)

→ **Chọn đáp án C**

GIẢI CÂU 12:

- A. dựa trên, xét theo
- B. về, liên quan đến
- C. ngoài, ngoài ra
- D. thay thế cho, thay vì

Tạm dịch: With regards to the application process, please contact the Student Affairs Office. (Về quy trình nộp đơn, vui lòng liên hệ với Phòng Công tác Học sinh.)

→ **Chọn đáp án B**

Mark the letter A, B, C or D to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Question 13.

- a. Max: Isn't it hard to keep up with yoga practice regularly?
- b. Max: How do you usually unwind after work?
- c. Max: That sounds perfect, but I'm not sure I'd be able to commit to it consistently.
- d. Sarah: I've taken up yoga recently. It really helps me relax and clear my mind.
- e. Sarah: The classes are flexible, so I can join whenever I have time.

A. b – e – c – d – a B. a – e – c – d – b C. b – d – a – e – c D. a – d – b – e – c

DỊCH BÀI:

Max: How do you usually unwind after work?

Max: Bạn thường thư giãn sau giờ làm việc như thế nào?

Sarah: I've taken up yoga recently. It really helps me relax and clear my mind.

Sarah: Mình mới bắt đầu tập yoga gần đây. Nó thực sự giúp mình thư giãn và giải tỏa tâm trí.

Max: Isn't it hard to keep up with yoga practice regularly?

Max: Tập yoga thường xuyên không khó sao?

Sarah: The classes are flexible, so I can join whenever I have time.

Sarah: Các lớp học rất linh hoạt, vì vậy mình có thể tham gia bất cứ khi nào có thời gian.

Max: That sounds perfect, but I'm not sure I'd be able to commit to it consistently.

Max: Nghe tuyệt thật, nhưng mình không chắc có thể duy trì đều đặn được.

→ **Chọn đáp án C**

Question 14.

Dear Max,

- a. This interest began when I bought a few plants for the balcony, but it has quickly turned into a passion.
- b. If you have any tips for a beginner, I'd love to hear them!
- c. I've been learning how to care for each one, and the process of nurturing these plants has been surprisingly relaxing.
- d. The basil and mint are thriving, and they bring a fresh scent to the space.
- e. I've recently taken up a new interest that has quickly become a favourite - gardening.

Write back soon,

Kate

A. e - a - c - d - b B. a - c - b - e - d C. c - a - e - b - d D. d - b - e - a - c

DỊCH BÀI:

Dear Max,

I've recently taken up a new interest that has quickly become a favourite – gardening. This interest began when I bought a few plants for the balcony, but it has quickly turned into a passion. I've been learning how to care for each one, and the process of nurturing these plants has been surprisingly relaxing. The basil and mint are thriving, and they bring a fresh scent to the space. If you have any tips for a beginner, I'd love to hear them!

Write back soon,

Kate

Gửi Max,

Gần đây mình đã theo đuổi một sở thích mới và nhanh chóng trở thành điều mình yêu thích – đó chính là làm vườn. Sở thích này bắt đầu khi mình mua một vài cây cho ban công, nhưng nó nhanh chóng trở thành niềm đam mê. Mình đã học cách chăm sóc từng cây, và quá trình nuôi dưỡng chúng thực sự rất thư giãn. Cây húng quế và bạc hà đang phát triển tốt, mang lại hương thơm tươi mới cho không gian. Nếu bạn có bất kỳ mẹo nào dành cho người mới bắt đầu, mình rất mong được nghe!

Viết lại sớm nhé,

Kate

→ **Chọn đáp án A**

Question 15.

a. Maya: Have you been using a virtual assistant lately?

b. Leo: Yes, mostly for reminders and looking up quick facts - it's really convenient.

c. Maya: I hadn't thought of that! I'll have to give it a try.

A. a – c – b

B. c – b – a

C. c – a – b

D. a – b – c

DỊCH BÀI:

a. Maya: Have you been using a virtual assistant lately?

a. Maya: Gần đây bạn có sử dụng trợ lý ảo không?

b. Leo: Yes, mostly for reminders and looking up quick facts – it's really convenient.

b. Leo: Có, chủ yếu để nhắc nhở và tra cứu nhanh – rất tiện lợi.

c. Maya: I hadn't thought of that! I'll have to give it a try.

c. Maya: Mình chưa nghĩ đến điều đó! Mình sẽ thử xem sao.

→ **Chọn đáp án D**

Question 16.

- a. This undertaking has demanded not only patience but also consistent practice, as I strive to build a strong foundation day by day.
- b. The journey was daunting at first, with the complex grammar rules and an entirely unfamiliar vocabulary.
- c. Learning a foreign language I'd always found fascinating has turned into a new challenge I'm fully committed to.
- e. While there are inevitable setbacks and moments of frustration during the journey, each small achievement provides a sense of progress and keeps me motivated.
- d. Ultimately, this immersive experience has broadened my perspective, deepened my appreciation for different cultures, and reinforced the importance of persistence.
- A. b – e – c – a – d B. c – b – a – e – d C. e – b – c – a – d D. a – e – c – b – d

DỊCH BÀI:

Learning a foreign language I'd always found fascinating has turned into a new challenge I'm fully committed to. The journey was daunting at first, with the complex grammar rules and an entirely unfamiliar vocabulary. This undertaking has demanded not only patience but also consistent practice, as I strive to build a strong foundation day by day. While there are inevitable setbacks and moments of frustration during the journey, each small achievement provides a sense of progress and keeps me motivated. Ultimately, this immersive experience has broadened my perspective, deepened my appreciation for different cultures, and reinforced the importance of persistence.

Việc học một ngoại ngữ mà mình luôn thấy thú vị đã trở thành một thử thách mới mà mình hoàn toàn cam kết. Ban đầu, hành trình này thật đáng sợ, với những quy tắc ngữ pháp phức tạp và một vốn từ hoàn toàn xa lạ. Sự nỗ lực này đòi hỏi không chỉ sự kiên nhẫn mà còn là việc luyện tập thường xuyên, khi mình cố gắng xây dựng nền tảng vững chắc từng ngày. Dù có những thất bại không thể tránh khỏi và những lúc nản lòng trong hành trình, mỗi thành tựu nhỏ đều mang lại cảm giác tiến bộ và giúp mình duy trì động lực. Tóm lại, trải nghiệm phong phú này đã mở rộng tầm nhìn của mình, làm sâu sắc thêm sự trân trọng với các nền văn hóa khác, và củng cố tầm quan trọng của sự kiên trì.

→ **Chọn đáp án B**

Question 17.

- a. These individuals often build large followings by sharing content that resonates with specific audiences.
- b. The influence they wield can shape trends, drive consumer behaviour, and even impact public opinion.
- c. However, the pressure to maintain an online persona can be intense, as these influencers constantly seek to stay relevant and engaging.
- d. Social media influencers have become a powerful force in today's digital landscape.
- e. Through platforms like Instagram and TikTok, influencers showcase products, lifestyles, and ideas to their followers.

A. d – b – c – a – e B. d – e – b – c – a C. d – a – b – e – c D. d – c – e – a – b

DỊCH BÀI:

Social media influencers have become a powerful force in today's digital landscape. These individuals often build large followings by sharing content that resonates with specific audiences. The influence they wield can shape trends, drive consumer behaviour, and even impact public opinion. Through platforms like Instagram and TikTok, influencers showcase products, lifestyles, and ideas to their followers. However, the pressure to maintain an online persona can be intense, as these influencers constantly seek to stay relevant and engaging.

Những người có ảnh hưởng trên mạng xã hội đã trở thành một lực lượng mạnh mẽ trong bối cảnh kỹ thuật số ngày nay. Những cá nhân này thường xây dựng lượng người theo dõi lớn bằng cách chia sẻ nội dung phù hợp với các nhóm khán giả cụ thể. Ảnh hưởng mà họ có có thể định hình xu hướng, thúc đẩy hành vi tiêu dùng và thậm chí ảnh hưởng đến dư luận. Thông qua các nền tảng như Instagram và TikTok, họ giới thiệu sản phẩm, lối sống và ý tưởng tới người theo dõi của mình. Tuy nhiên, áp lực để duy trì hình ảnh trực tuyến có thể rất lớn, vì những người có ảnh hưởng này liên tục tìm cách duy trì sự phù hợp và thu hút.

→ **Chọn đáp án C**

Read the following passage about bike-sharing systems and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

Bike-sharing systems, popular forms of sustainable urban transportation, are revolutionising how people commute in cities. For instance, Citi Bike, one of the largest bike-sharing programs in the United States, was launched in New York City in 2013. Shortly after, it expanded to other cities and has since become a reliable transport option for millions of users. (18) _____.

The bike-sharing system was developed by a US-based company (19) _____. This network, along with others worldwide, (20) _____.

The bikes used in this system are sturdy, weather-resistant, and equipped with tracking technology. They have built-in lights for night use and GPS devices to locate available bikes easily. (21)

Bike-sharing systems are lauded for their ability to make urban transportation more sustainable. The integration of mobile apps and real-time tracking software allows users to locate, reserve, and unlock bikes from their phones, enhancing the ease of use. Equipped with efficient data management systems,
(22) _____.

DỊCH BÀI:

<p>Bike-sharing systems, popular forms of sustainable urban transportation, are revolutionising how people commute in cities. For instance, Citi Bike, one of the largest bike-sharing programs in the United States, was launched in New York City in 2013. Shortly after, it expanded to other cities and has since become a reliable transport option for millions of users. Citi Bike has helped promote healthier lifestyles and lower urban pollution.</p>	<p>Các hệ thống chia sẻ xe đạp, những hình thức giao thông đô thị bền vững phổ biến, đang cách mạng hóa cách mọi người di chuyển trong các thành phố. Ví dụ, Citi Bike, một trong những chương trình chia sẻ xe đạp lớn nhất tại Hoa Kỳ, đã được ra mắt tại New York City vào năm 2013. Ngay sau đó, chương trình này đã mở rộng ra các thành phố khác và kể từ đó đã trở thành một phương tiện giao thông đáng tin cậy cho hàng triệu người sử dụng. Citi Bike đã giúp thúc đẩy lối sống lành mạnh hơn và giảm ô nhiễm đô thị.</p>
<p>The bike-sharing system was developed by a US-based company whose expertise in urban mobility created an efficient bike-sharing network. This network, along with others worldwide, marks a step towards eco-friendly city planning and transport innovation.</p>	<p>Hệ thống chia sẻ xe đạp này được phát triển bởi một công ty có trụ sở tại Hoa Kỳ với chuyên môn trong lĩnh vực di chuyển đô thị, công ty đã tạo ra một mạng lưới chia sẻ xe đạp hiệu quả. Mạng lưới này, cùng với các mạng lưới khác trên toàn cầu, đánh dấu một bước tiến hướng tới kế hoạch thành phố thân thiện với môi trường và đổi mới giao thông.</p>

<p>The bikes used in this system are sturdy, weather-resistant, and equipped with tracking technology. They have built-in lights for night use and GPS devices to locate available bikes easily. These bikes stand out for their automatic locking, allowing returns to any station.</p>	<p>Những chiếc xe đạp sử dụng trong hệ thống này rất chắc chắn, chống chịu thời tiết và được trang bị công nghệ theo dõi. Chúng có đèn tích hợp cho việc sử dụng ban đêm và thiết bị GPS để dễ dàng xác định các xe đạp có sẵn. Những chiếc xe đạp này nổi bật với khả năng khóa tự động, cho phép trả xe tại bất kỳ trạm nào.</p>
<p>Bike-sharing systems are lauded for their ability to make urban transportation more sustainable. The integration of mobile apps and real-time tracking software allows users to locate, reserve, and unlock bikes from their phones, enhancing the ease of use. Equipped with efficient data management systems, bike-sharing programmes monitor usage and optimise citywide distribution.</p>	<p>Các hệ thống chia sẻ xe đạp được khen ngợi vì khả năng làm cho giao thông đô thị trở nên bền vững hơn. Việc tích hợp ứng dụng di động và phần mềm theo dõi thời gian thực giúp người dùng dễ dàng tìm, đặt chỗ và mở khóa xe từ điện thoại của họ, nâng cao sự tiện lợi. Được trang bị các hệ thống quản lý dữ liệu hiệu quả, các chương trình chia sẻ xe đạp giám sát việc sử dụng và tối ưu hóa phân phối trên toàn thành phố.</p>

Question 18.

- A. Wishing to promote healthier lifestyles and lower urban pollution, Citi Bike is helpful
- B. Citi Bike has helped promote healthier lifestyles and lower urban pollution
- C. Promoting healthier lifestyles and lowering urban pollution is useful to Citi Bike
- D. The assistance in healthier lifestyles and low urban pollution promotes Citi Bike

A. Mong muốn thúc đẩy lối sống lành mạnh hơn và giảm ô nhiễm đô thị, Citi Bike rất hữu ích. => Sai vì 'Citi Bike' không thể 'mong muốn'

B. Citi Bike đã giúp thúc đẩy lối sống lành mạnh hơn và giảm ô nhiễm đô thị.

C. Việc thúc đẩy lối sống lành mạnh hơn và giảm ô nhiễm đô thị là điều có ích đối với Citi Bike. => Không hợp nghĩa.

D. Sự hỗ trợ trong lối sống lành mạnh hơn và giảm ô nhiễm đô thị thúc đẩy Citi Bike. => Không hợp nghĩa.

Tạm dịch: Shortly after, it expanded to other cities and has since become a reliable transport option for millions of users. Citi Bike has helped promote healthier lifestyles and lower urban pollution. (Ngay sau đó, chương trình này đã mở rộng ra các thành phố khác và kể từ đó đã trở thành một phương tiện giao thông đáng tin cậy cho hàng triệu người sử dụng. Citi Bike đã giúp thúc đẩy lối sống lành mạnh hơn và giảm ô nhiễm đô thị.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 19.

- A. specialised in urban mobility to create an efficient bike-sharing network
- B. prioritised creating an efficient bike-sharing network through urban mobility

C. of which speciality in creating an efficient bike-sharing network by urban mobility

D. whose expertise in urban mobility created an efficient bike-sharing network

A. Sai vì dùng dạng rút gọn bị động trong mệnh đề quan hệ không phù hợp ở đây.

B. Sai vì dùng dạng rút gọn bị động trong mệnh đề quan hệ không phù hợp ở đây.

C. Sai vì mệnh đề quan hệ phải có đầy đủ chủ ngữ lẫn động từ.

D. Phù hợp khi dùng mệnh đề quan hệ.

Tạm dịch: The bike-sharing system was developed by a US-based company whose expertise in urban mobility created an efficient bike-sharing network. (Hệ thống chia sẻ xe đạp này được phát triển bởi một công ty có trụ sở tại Hoa Kỳ với chuyên môn trong lĩnh vực di chuyển đô thị, công ty đã tạo ra một mạng lưới chia sẻ xe đạp hiệu quả.)

→ **Chọn đáp án D**

Question 20.

A. marks a step towards eco-friendly city planning and transport innovation

B. signifying progress towards eco-friendly city planning and transport innovation

C. of which a move towards eco-friendly city planning and transport innovation is marked

D. that represents progress towards eco-friendly city planning and transport innovation

Ta thấy câu đã có chủ ngữ và thiếu động từ chính chia theo thì. => Ta loại B vì dùng hiện tại phân từ. Ta loại C và D vì dùng mệnh đề quan hệ.

Tạm dịch: This network, along with others worldwide, marks a step towards eco-friendly city planning and transport innovation. (Mạng lưới này, cùng với các mạng lưới khác trên toàn cầu, đánh dấu một bước tiến hướng tới kế hoạch thành phố thân thiện với môi trường và đổi mới giao thông.)

→ **Chọn đáp án A**

Question 21.

A. These bikes stand out for their automatic locking, allowing returns to any station

B. These bikes allow returns to any station so that their automatic locking is outstanding

C. Allowing returns to any station, their automatic locking sets these bikes apart

D. Without their outstanding automatic locking, these bikes could allow returns to any station

A. Những chiếc xe đạp này nổi bật với khả năng khóa tự động, cho phép trả xe tại bất kỳ trạm nào.

B. Những chiếc xe đạp này cho phép trả xe tại bất kỳ trạm nào, vì vậy khả năng khóa tự động của chúng rất xuất sắc. => Chưa hợp nghĩa

C. Cho phép trả xe tại bất kỳ trạm nào, khả năng khóa tự động của chúng làm những chiếc xe đạp này khác biệt. => Sai vì 'khả năng tự động khóa' không thể 'cho phép trả xe'.

D. Nếu không có khả năng khóa tự động xuất sắc, những chiếc xe đạp này có thể cho phép trả xe tại bất kỳ trạm nào. => Chưa hợp nghĩa

Tạm dịch: They have built-in lights for night use and GPS devices to locate available bikes easily. These bikes stand out for their automatic locking, allowing returns to any station. (Chúng có đèn tích hợp cho việc sử dụng ban đêm và thiết bị GPS để dễ dàng xác định các xe đạp có sẵn. Những chiếc xe đạp này nổi bật với khả năng khóa tự động, cho phép trả xe tại bất kỳ trạm nào.)

→ **Chọn đáp án A**

Question 22.

- A. programmes monitoring usage and optimising citywide distribution facilitate bike-sharing
- B. monitored usage and optimised citywide distribution are part of bike-sharing programmes
- C. they help bike-sharing programmes monitor usage and optimise citywide distribution
- D. bike-sharing programmes monitor usage and optimise citywide distribution

Ta thấy về trước dùng mệnh đề quá khứ phân từ dạng bị động (equipped). Ta xét từng đáp án.

A. Các chương trình giám sát việc sử dụng và tối ưu hóa phân phối trên toàn thành phố giúp thuận tiện cho việc chia sẻ xe đạp. => Chưa phù hợp

B. Sai vì khi ghép chủ ngữ 'việc sử dụng được giám sát và sự phân phối trên toàn thành phố được tối ưu hoá' với 'equipped' sẽ không phù hợp về nghĩa.

C. Sai vì chưa rõ 'they' là đối tượng nào.

D. các chương trình chia sẻ xe đạp giám sát việc sử dụng và tối ưu hóa phân phối trên toàn thành phố.

Tạm dịch: Equipped with efficient data management systems, bike-sharing programmes monitor usage and optimise citywide distribution. (Được trang bị các hệ thống quản lý dữ liệu hiệu quả, các chương trình chia sẻ xe đạp giám sát việc sử dụng và tối ưu hóa phân phối trên toàn thành phố.)

→ **Chọn đáp án D**

Read the following passage about Lisbon and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions from 23 to 30.

Lisbon, which has been the capital of Portugal since 1252, is both beautiful and historic. Today, visitors can spend their time walking across Lisbon's beautiful squares, exploring the city's narrow streets and wide range of shopping opportunities - from high-end designer shops to market stalls. Or, **they** can simply sit in the wonderful cafés and restaurants which serve great local food.

Lisbon is rich in ancient cultural **delights**. Under the busy shopping area in the city centre, there is a hidden network of 2,000-year-old Roman rooms. If history is your passion, Lisbon certainly won't disappoint. There are many other places to visit: the Gulbenkian Museum, the 16th century Jeronimos Monastery, the Castle of St George, and the wonderful Alfama district, with its lively eateries and traditional Fado music.

If you are hoping to travel around and see more of the city, there are **various** options. You might like to jump on the old tram system, which has been in use from 1873, or go on a bike tour of the city or a river cruise. You could also visit the zoo, the modern Pavilion of Knowledge, which is Lisbon's own interactive science museum, or one of the largest indoor aquariums in Europe, the Oceanarium.

Lisbon is one of the few European cities lucky enough to be so close to sandy beaches, which are rarely over-crowded, except perhaps in August. However, it's not just a summer destination either. **Lisbon has one of the mildest climates of any European cities, making it good to visit all year around.**

(Adapted from *Gateway*)

DỊCH BÀI:

Lisbon, which has been the capital of Portugal since 1252, is both beautiful and historic. Today, visitors can spend their time walking across Lisbon's beautiful squares, exploring the city's narrow streets and wide range of shopping opportunities - from high-end designer shops to market stalls. Or, they can simply sit in the wonderful cafés and restaurants which serve great local food.

Lisbon is rich in ancient cultural delights. Under the busy shopping area in the city centre, there is a hidden network of 2,000-year-old Roman rooms. If history is your passion, Lisbon certainly won't disappoint. There are many other places to visit: the Gulbenkian Museum, the 16th century Jeronimos Monastery, the Castle of St George, and the wonderful Alfama district, with its lively eateries and traditional Fado music.

Lisbon, thủ đô của Bồ Đào Nha từ năm 1252, là một thành phố vừa đẹp vừa giàu lịch sử. Ngày nay, du khách có thể dành thời gian đi bộ qua những quảng trường xinh đẹp của Lisbon, khám phá các con phố hẹp và vô vàn cơ hội mua sắm – từ các cửa hàng thiết kế cao cấp đến các gian hàng ở chợ. Hoặc, họ có thể đơn giản ngồi trong các quán cà phê và nhà hàng tuyệt vời phục vụ các món ăn đặc sản địa phương.

Lisbon rất phong phú với những giá trị văn hóa lâu đời. Dưới khu vực mua sắm nhộn nhịp ở trung tâm thành phố, có một mạng lưới các phòng Roman đã tồn tại từ 2.000 năm trước. Nếu lịch sử là đam mê của bạn, Lisbon chắc chắn sẽ không làm bạn thất vọng. Có rất nhiều nơi để tham quan: Bảo tàng Gulbenkian, Tu viện Jeronimos từ thế kỷ 16, Lâu đài St George, và khu phố Alfama tuyệt vời, với các nhà hàng sôi động và âm nhạc Fado truyền thống.

If you are hoping to travel around and see more of the city, there are various options. You might like to jump on the old tram system, which has been in use from 1873, or go on a bike tour of the city or a river cruise. You could also visit the zoo, the modern Pavilion of Knowledge, which is Lisbon's own interactive science museum, or one of the largest indoor aquariums in Europe, the Oceanarium.

Nếu bạn muốn đi du lịch xung quanh và khám phá thêm về thành phố, có rất nhiều lựa chọn. Bạn có thể lên hệ thống xe điện cổ điển, được sử dụng từ năm 1873, hoặc tham gia chuyến tham quan bằng xe đạp hoặc du ngoạn trên sông. Bạn cũng có thể thăm sở thú, Pavilion of Knowledge hiện đại, bảo tàng khoa học tương tác của Lisbon, hoặc một trong những thủy cung trong nhà lớn nhất châu Âu, Oceanarium.

Lisbon is one of the few European cities lucky enough to be so close to sandy beaches, which are rarely over-crowded, except perhaps in August. However, it's not just a summer destination either. Lisbon has one of the mildest climates of any European cities, making it good to visit all year around.

Lisbon là một trong số ít các thành phố châu Âu may mắn có bãi biển cát vàng gần kề, mà hiếm khi bị đông đúc, trừ khi là tháng Tám. Tuy nhiên, nó không chỉ là một điểm đến vào mùa hè. Lisbon có một trong những khí hậu ôn hòa nhất trong các thành phố châu Âu, khiến nó trở thành một điểm đến lý tưởng để tham quan suốt cả năm.

Question 23. The word **they** in paragraph 1 refers to _____. GIA SƯ TÀI HUỆ (079.3833.272)

- A.** squares **B.** shops **C.** tourists **D.** market stalls

Từ "**they**" trong đoạn 1 ám chỉ _____.

- A.** quảng trường
B. cửa hàng
C. du khách
D. quầy hàng chợ

Thông tin: Today, **visitors** can spend their time walking across Lisbon's beautiful squares, exploring the city's narrow streets and wide range of shopping opportunities – from high-end designer shops to market stalls. Or, **they** can simply sit in the wonderful cafés and restaurants which serve great local food. (Ngày nay, du khách có thể dành thời gian đi bộ qua những quảng trường xinh đẹp của Lisbon, khám phá các con phố hẹp và vô vàn cơ hội mua sắm – từ các cửa hàng thiết kế cao cấp đến các gian hàng ở chợ. Hoặc, họ có thể đơn giản ngồi trong các quán cà phê và nhà hàng tuyệt vời phục vụ các món ăn đặc sản địa phương.)

→ **Chọn đáp án C**

Question 24. According to paragraph 1, tourists can do all the following when visiting Lisbon EXCEPT

- A.** browsing clothes stores **B.** walking through beautiful squares
C. trying local dishes **D.** watching parades in narrow streets

Theo đoạn 1, du khách có thể làm tất cả những điều sau khi thăm Lisbon NGOẠI TRỪ _____.

- A. dạo qua các cửa hàng quần áo
- B. dạo bước qua các quảng trường xinh đẹp
- C. thử các món ăn địa phương
- D. xem diễu hành trên các con phố hẹp

Thông tin:

Today, visitors can spend their time **walking across Lisbon's beautiful squares, exploring** the city's narrow streets and **wide range of shopping opportunities** – from high-end designer shops to market stalls. Or, they can simply **sit** in the wonderful cafés **and restaurants which serve great local food**. (Ngày nay, du khách có thể dành thời gian đi bộ qua những quảng trường xinh đẹp của Lisbon, khám phá các con phố hẹp và vô vàn cơ hội mua sắm – từ các cửa hàng thiết kế cao cấp đến các gian hàng ở chợ. Hoặc, họ có thể đơn giản ngồi trong các quán cà phê và nhà hàng tuyệt vời phục vụ các món ăn đặc sản địa phương.)

→ **Chọn đáp án D**

Question 25. The word **delights** in paragraph 2 mostly means _____.

- A. features
- B. habits
- C. feelings
- D. joys

Từ "**delights**" trong đoạn 2 có nghĩa là _____.

- A. đặc điểm
- B. thói quen
- C. cảm xúc
- D. niềm vui

delight (n): niềm vui sướng, sự hân hoan = joy

→ **Chọn đáp án D**

Question 26. The word **various** in paragraph 3 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. top-rated
- B. numerous
- C. restricted
- D. customary

Từ "**various**" trong đoạn 3 trái nghĩa với _____.

- A. được đánh giá cao
- B. vô số
- C. bị hạn chế
- D. theo thông lệ

various (adj): nhiều, đa dạng, khác nhau >< restricted

→ **Chọn đáp án C**

Question 27. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

Lisbon has one of the mildest climates of any European cities, making it good to visit all year around.

- A. Lisbon's mild climate, one of the most comfortable in Europe, makes it a great year-round destination.
- B. Lisbon has one of Europe's mildest climates, making it an ideal place to visit throughout the year.
- C. Lisbon's weather is known for its warmth, making it an attractive destination in every season.
- D. Lisbon is pleasant all year due to its warm, mild weather that draws visitors from across Europe.

Câu nào dưới đây diễn đạt lại câu có gạch dưới trong đoạn 4 một cách tốt nhất?

A. Khí hậu ôn hòa của Lisbon, một trong những khí hậu thoải mái nhất ở Châu Âu, khiến cho nó trở thành điểm đến tuyệt vời suốt cả năm. => Sai vì câu gốc không đề cập tới 'comfortable'.

B. Lisbon có một trong những khí hậu ôn hòa nhất ở Châu Âu, khiến cho nó trở thành nơi lý tưởng để thăm quan quanh năm.

C. Thời tiết của Lisbon nổi tiếng với sự ấm áp, làm cho nó trở thành điểm đến hấp dẫn trong mọi mùa. => Không đề cập tới 'warmth'.

D. Lisbon dễ chịu suốt cả năm nhờ vào thời tiết ấm áp và ôn hòa, thu hút du khách từ khắp Châu Âu. => Sai ở 'thu hút khách du khách từ khắp châu Âu'.

Thông tin: Lisbon has one of the mildest climates of any European cities, making it good to visit all year around. (Lisbon có một trong những khí hậu ôn hòa nhất trong các thành phố châu Âu, khiến nó trở thành một điểm đến lý tưởng để tham quan suốt cả năm.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 28. Which of the following is true according to the passage?

- A. The Pavilion of Knowledge is the only interactive science museum in Lisbon.
- B. Famous beaches in Lisbon hardly get overcrowded, especially in August.
- C. 2,000-year-old Roman rooms are located in busy shopping streets in Lisbon.
- D. Lisbon offers a variety of transportation options for exploring the city.

Câu nào dưới đây là đúng theo bài đọc?

- A. Pavilion of Knowledge là bảo tàng khoa học tương tác duy nhất ở Lisbon.
- B. Các bãi biển nổi tiếng ở Lisbon hiếm khi bị quá tải, đặc biệt là vào tháng 8.
- C. Các phòng La Mã 2.000 năm tuổi nằm ở các con phố mua sắm đông đúc ở Lisbon.
- D. Lisbon cung cấp nhiều lựa chọn phương tiện giao thông để khám phá thành phố.

Thông tin:

+ You could also visit the zoo, **the modern Pavilion of Knowledge, which is Lisbon's own interactive science museum**, or one of the largest indoor aquariums in Europe, the Oceanarium. (Bạn cũng có thể thăm sở thú, Pavilion of Knowledge hiện đại, bảo tàng khoa học tương tác của Lisbon, hoặc một trong những thủy cung trong nhà lớn nhất châu Âu, Oceanarium.)

→ A sai

+ Lisbon is one of the few European cities lucky enough to be so close to sandy beaches, **which are rarely over-crowded, except perhaps in August**. (Lisbon là một trong số ít các thành phố châu Âu may mắn có bãi biển cát vàng gần kề, mà hiếm khi bị đông đúc, trừ khi là tháng Tám.)

→ B sai

+ **Under** the busy shopping area in the city centre, there is a hidden network of 2,000-year-old Roman rooms. (Dưới khu vực mua sắm nhộn nhịp ở trung tâm thành phố, có một mạng lưới các phòng Roman đã tồn tại từ 2.000 năm trước.)

→ C sai

+ If you are hoping to travel around and see more of the city, there are various options. (Nếu bạn muốn đi du lịch xung quanh và khám phá thêm về thành phố, có rất nhiều lựa chọn.)

→ D đúng

→ **Chọn đáp án D**

Question 29. In which paragraph does the writer suggest some places for travellers who are keen on going back in time?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

Trong đoạn nào tác giả gợi ý một số địa điểm cho du khách muốn ngược thời gian trở về quá khứ?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Thông tin: Lisbon is rich in ancient cultural delights. Under the busy shopping area in the city centre, there is a hidden network of 2,000-year-old Roman rooms. If history is your passion, Lisbon certainly won't disappoint. (Lisbon rất phong phú với những giá trị văn hóa lâu đời. Dưới khu vực mua sắm nhộn nhịp ở trung tâm thành phố, có một mạng lưới các phòng Roman đã tồn tại từ 2.000 năm trước. Nếu lịch sử là đam mê của bạn, Lisbon chắc chắn sẽ không làm bạn thất vọng.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 30. In which paragraph does the writer mention a contrast relationship?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

Trong đoạn nào tác giả đề cập đến mối quan hệ đối lập?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Thông tin: Lisbon is one of the few European cities lucky enough to be so close to sandy beaches, which are rarely overcrowded, except perhaps in August. **However**, it's not just a summer destination either. (Lisbon là một trong số ít các thành phố châu Âu may mắn có bãi biển cát vàng gần kề, mà hiếm khi bị đông đúc, trừ khi là tháng Tám. Tuy nhiên, nó không chỉ là một điểm đến vào mùa hè.)

→ **Chọn đáp án D**

Read the following passage about the largest school in the world and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions from 31 to 40.

The first day at school can be quite scary for any pupil but imagine being one among 50,000 or more! That is the total number of students at the City Montessori School in Lucknow, India. The school, better known as CMS, employs 4,500 staff including teachers, support staff, and others such as cleaners and gardeners. The school was set up by husband and wife team Dr Jagdish Gandhi and Bharti Gandhi in 1959. The first pupils were the children of family members - and there were only five of them. As time went by, more people started to hear about the school and **they** wanted their children to attend. Slowly, the numbers rose.

The school educates students between the ages of 3 and 17. [I] But due to the size of the school, it is never possible for everyone to meet as there is no place that is big enough for everyone to fit in. [II] One of the school's heads, Dr Gandhi's daughter Geeta Kingdon, said in an interview that, 'The whole of Lucknow would be **jammed** if we tried because one bus holds 50 children, so we'd need 1,000 buses to bring everyone together. [III] The school doesn't receive any money from the government and the children's parents are only charged a small amount for their children to attend. [IV]

For each pupil, there is also one teacher responsible for his or her health and life outside the classroom. In this way, the staff believe that no one is forgotten. Besides the traditional subjects such as maths, English and geography, the students also learn about world peace. CMS is the only school in the world to be awarded a UNESCO Peace Prize for Education for its **endeavours** in this field.

Today, the school is famous for its exam results and its international exchange programmes. The school has some well-respected past students, who have gone on to work in international organisations. However, within the school, and especially with everyone wearing the same uniform, it can be difficult to get noticed, so the students have to work especially hard. Dr Gandhi believes that the children receive not only an education, but also a love of the world.

(Adapted from *Prepare*)

DỊCH BÀI:

The first day at school can be quite scary for any pupil but imagine being one among 50,000 or more! That is the total number of students at the City Montessori School in Lucknow, India. The school, better known as CMS, employs 4,500 staff including teachers, support staff, and others such as cleaners and gardeners. The school was set up by husband and wife team Dr Jagdish Gandhi and Bharti Gandhi in 1959. The first pupils were the children of family members – and there were only five of them. As time went by, more people started to hear about the school and they wanted their children to attend. Slowly, the numbers rose.

Ngày đầu tiên đến trường có thể khá đáng sợ đối với bất kỳ học sinh nào, nhưng hãy tưởng tượng bạn là một trong số 50.000 học sinh hoặc hơn thế! Đó là tổng số học sinh tại Trường Montessori Thành phố (CMS) ở Lucknow, Ấn Độ. Trường này, được biết đến rộng rãi với tên CMS, có 4.500 nhân viên bao gồm giáo viên, nhân viên hỗ trợ và các công việc khác như dọn dẹp và làm vườn. Trường được thành lập bởi hai vợ chồng Dr. Jagdish Gandhi và Bharti Gandhi vào năm 1959. Những học sinh đầu tiên là con cái của các thành viên trong gia đình – và chỉ có năm học sinh. Theo thời gian, ngày càng có nhiều người nghe về trường và họ muốn con cái của mình theo học. Dần dần, số lượng học sinh tăng lên.

The school educates students between the ages of 3 and 17. They all wear a uniform and each class has about 45 pupils. But due to the size of the school, it is never possible for everyone to meet as there is no place that is big enough for everyone to fit in. One of the school's heads, Dr Gandhi's daughter Geeta Kingdon, said in an interview that, 'The whole of Lucknow would be jammed if we tried because one bus holds 50 children, so we'd need 1,000 buses to bring everyone together. The school doesn't receive any money from the government and the children's parents are only charged a small amount for their children to attend.

Trường giáo dục học sinh trong độ tuổi từ 3 đến 17. Tất cả đều mặc đồng phục và mỗi lớp có khoảng 45 học sinh. Nhưng do kích thước của trường, không bao giờ có thể tổ chức một buổi gặp gỡ cho tất cả mọi người vì không có đủ không gian đủ lớn để tất cả có thể tập trung vào một nơi. Một trong những người đứng đầu trường, con gái của Dr. Gandhi, Geeta Kingdon, đã nói trong một cuộc phỏng vấn rằng: "Toàn bộ Lucknow sẽ bị tắc nghẽn nếu chúng tôi cố gắng, vì một chiếc xe buýt chỉ chở được 50 học sinh, vậy chúng tôi sẽ cần 1.000 chiếc xe buýt để đưa tất cả mọi người lại gần nhau." Trường không nhận tiền từ chính phủ và phụ huynh của học sinh chỉ phải đóng một khoản phí nhỏ để con cái của họ theo học.

For each pupil, there is also one teacher responsible for his or her health and life outside the classroom. In this way, the staff believe that no one is forgotten. Besides the traditional subjects such as maths, English and geography, the students also learn about world peace. CMS is the only school in the world to be awarded a UNESCO Peace Prize for Education for its endeavours in this field.

Today, the school is famous for its exam results and its international exchange programmes. The school has some well-respected past students, who have gone on to work in international organisations. However, within the school, and especially with everyone wearing the same uniform, it can be difficult to get noticed, so the students have to work especially hard. Dr Gandhi believes that the children receive not only an education, but also a love of the world.

Mỗi học sinh cũng có một giáo viên chịu trách nhiệm về sức khỏe và cuộc sống ngoài lớp học của họ. Theo cách này, nhân viên trường tin rằng không ai bị lãng quên. Ngoài các môn học truyền thống như toán, tiếng Anh và địa lý, học sinh còn học về hòa bình thế giới. CMS là trường duy nhất trên thế giới được trao Giải thưởng Hòa bình UNESCO về Giáo dục vì những nỗ lực của mình trong lĩnh vực này.

Ngày nay, trường nổi tiếng với kết quả thi và các chương trình trao đổi quốc tế. Trường có một số học sinh cũ rất được tôn trọng, đã ra ngoài làm việc tại các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, trong trường học, đặc biệt là khi tất cả đều mặc đồng phục giống nhau, thật khó để nổi bật, vì vậy học sinh phải làm việc chăm chỉ hơn. Dr. Gandhi tin rằng, các em không chỉ nhận được giáo dục mà còn học được tình yêu với thế giới.

Question 31. The word **they** in paragraph 1 refers to _____.

- A. pupils B. family members C. staff D. people

Từ "**they**" trong đoạn 1 đề cập đến _____.

- A. học sinh
B. thành viên gia đình
C. nhân viên
D. mọi người

Thông tin: The first pupils were the children of family members – and there were only five of them. As time went by, more **people** started to hear about the school and **they** wanted their children to attend. Slowly, the numbers rose. (Những học sinh đầu tiên là con cái của các thành viên trong gia đình – và chỉ có năm học sinh. Theo thời gian, ngày càng có nhiều người nghe về trường và họ muốn con cái của mình theo học. Dần dần, số lượng học sinh tăng lên.)

→ **Chọn đáp án D**

Question 32. According to paragraph 1, what is indicated about the City Montessori School?

- A. It employs more than 4,000 staff from other countries.
- B. It provides both scary and exciting learning experiences.
- C. Its first five students were relatives of Dr Gandhi.
- D. The number of its students has recently reached a peak.

Dựa trên đoạn 1, điều gì được chỉ ra về Trường Montessori City?

- A. Trường tuyển dụng hơn 4.000 nhân viên từ các quốc gia khác.
- B. Trường mang lại cả trải nghiệm học tập đáng sợ và thú vị.
- C. Năm học sinh đầu tiên là người thân của Tiến sĩ Gandhi.
- D. Số lượng học sinh của trường gần đây đã đạt đỉnh.

Thông tin: The first pupils were **the children of family members** – and there were only five of them. (Những học sinh đầu tiên là con cái của các thành viên trong gia đình – và chỉ có năm học sinh.)

→ **Chọn đáp án C**

Question 33. Where in paragraph 2 does the following sentence best fit?

They all wear a uniform and each class has about 45 pupils.

- A. [I]
- B. [II]
- C. [III]
- D. [IV]

Câu sau phù hợp nhất với vị trí nào trong đoạn 2?

Tất cả đều mặc đồng phục và mỗi lớp có khoảng 45 học sinh.

- A. (I)
- B. (II)
- C. (III)
- D. (IV)

Thông tin: The school educates students between the ages of 3 and 17. (Trường giáo dục học sinh trong độ tuổi từ 3 đến 17.)

Ta thấy câu phía trước vị trí (I) đang giới thiệu về học sinh theo học ở trường và câu sau đó nói về việc các học sinh khó gặp nhau do quy mô trường quá lớn. Do vậy, vị trí số (I) sẽ phù hợp nhất.

→ **Chọn đáp án A**

Question 34. The word **jammed** in paragraph 2 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. panicked B. comfortable C. sparse D. congested

Từ "jammed" trong đoạn 2 trái nghĩa với _____.

- A. hoảng loạn
B. thoải mái
C. thưa thớt
D. đông đúc

jammed (adj): đông đúc, chen chúc >< sparse

→ **Chọn đáp án C**

Question 35. The word **endeavours** in paragraph 3 is closest in meaning to _____.

- A. opportunities B. purposes C. attempts D. achievements

Từ "endeavours" trong đoạn 3 có nghĩa gần nhất với _____.

- A. cơ hội
B. mục đích
C. nỗ lực
D. thành tựu

endeavour (n): nỗ lực = attempt

→ **Chọn đáp án C**

Question 36. Which of the following best summarises paragraph 3?

- A. Each pupil has a teacher for their well-being, and CMS focuses on teaching world peace subjects.
B. At CMS, each pupil is assigned a teacher, and world peace is given priority to other academic subjects.
C. CMS has teachers responsible for each pupil's well-being and offers world peace lessons rather than core subjects.
D. Every pupil has a teacher for support, and CMS uniquely promotes world peace in education.

Câu nào dưới đây tóm tắt đoạn 3 tốt nhất?

- A. Mỗi học sinh có một giáo viên phụ trách sức khỏe và phúc lợi, và CMS tập trung vào việc dạy các môn học về hòa bình thế giới.
B. Tại CMS, mỗi học sinh được giao một giáo viên, và hòa bình thế giới được ưu tiên hơn các môn học chính.
C. CMS có các giáo viên chịu trách nhiệm cho phúc lợi của mỗi học sinh và dạy các bài học về hòa bình thế giới thay vì các môn học cơ bản.
D. Mỗi học sinh đều có một giáo viên hỗ trợ, và CMS đặc biệt thúc đẩy giáo dục hòa bình trong nhà trường.

Thông tin:

+ For each pupil, there is also one teacher responsible for his or her health and life outside the classroom. (Mỗi học sinh cũng có một giáo viên chịu trách nhiệm về sức khỏe và cuộc sống ngoài lớp học của họ.)

+ Besides the traditional subjects such as maths, English and geography, the students also learn about world peace.

(Ngoài các môn học truyền thống như toán, tiếng Anh và địa lý, học sinh còn học về hòa bình thế giới.)

☒ B sai vì bài đọc không so sánh giữa các môn học chính (core subjects) và môn hòa bình thế giới (world peace)

☒ C sai ở "rather than"

☒ D sai vì chưa đề cập "support" về cái gì

→ **Chọn đáp án A**

Question 37. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

Today, the school is famous for its exam results and its international exchange programmes.

- A. The school is renowned for high exam scores and one-of-a-kind exchange programmes around the world.
B. Today, the school's international exchange programmes and exam results bring it significant recognition.
-

C. The school is recognised globally for its impressive exam results and efforts to promote exchange programmes.

D. Today, the school's exam results and activities abroad make it a prime example for other schools to follow.

Câu nào dưới đây diễn đạt lại câu bị gạch chân trong đoạn 4 một cách chính xác nhất?

A. Trường học này nổi tiếng với kết quả thi cao và các chương trình giao lưu quốc tế có một không hai trên toàn thế giới.

B. Ngày nay, các chương trình giao lưu quốc tế và kết quả thi của trường mang lại sự công nhận đáng kể cho trường.

C. Trường được công nhận trên toàn cầu về kết quả thi ấn tượng và những nỗ lực thúc đẩy các chương trình trao đổi.

D. Ngày nay, kết quả thi và các hoạt động ở nước ngoài của trường khiến trường trở thành hình mẫu cho các trường khác học hỏi. => Đề cập tới ý khác mà câu gốc không nhắc tới.

Thông tin: Today, the school is famous for its exam results and its international exchange programmes. (Ngày nay, trường nổi tiếng với kết quả thi và các chương trình trao đổi quốc tế.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 38. Which of the following is NOT true about CMS according to the passage?

A. Due to the large size of the school, it is quite challenging to organise a meeting that includes all the students.

B. The school's tuition fees are prohibitive, making it impossible for low-income families to afford.

C. CMS is unique worldwide in receiving a UNESCO Peace Prize for Education for its focus on peace education.

D. The students must put in extra effort to be outstanding given that everyone at school gets dressed in the same uniform.

Câu nào dưới đây là KHÔNG đúng về CMS theo đoạn văn?

A. Do quy mô lớn của trường, việc tổ chức một cuộc họp với tất cả học sinh là khá khó khăn.

B. Học phí của trường quá cao, khiến các gia đình thu nhập thấp không thể chi trả.

C. CMS là trường duy nhất trên thế giới nhận giải thưởng UNESCO về Giáo dục vì sự tập trung vào giáo dục hòa bình.

D. Học sinh phải nỗ lực thêm để nổi bật vì tất cả học sinh trong trường đều mặc đồng phục giống nhau.

Thông tin:

+ But due to the size of the school, it is never possible for everyone to meet as there is no place that is big enough for everyone to fit in. (Nhưng do kích thước của trường, không bao giờ có thể tổ chức một buổi gặp gỡ cho tất cả mọi người vì không có đủ không gian đủ lớn để tất cả có thể tập trung vào một nơi.)

→ A đúng

+ CMS is the only school in the world to be awarded a UNESCO Peace Prize for Education for its endeavours in this field. (CMS là trường duy nhất trên thế giới được trao Giải thưởng Hòa bình UNESCO về Giáo dục vì những nỗ lực của mình trong lĩnh vực này.)

→ C đúng

+ However, within the school, and especially with everyone wearing the same uniform, it can be difficult to get noticed, so the students have to work especially hard. (Tuy nhiên, trong trường học, đặc biệt là khi tất cả đều mặc đồng phục giống nhau, thật khó để nổi bật, vì vậy học sinh phải làm việc chăm chỉ hơn.)

→ D đúng

+ The school doesn't receive any money from the government and the children's parents are only charged a small amount for their children to attend. (Trường không nhận tiền từ chính phủ và phụ huynh của học sinh chỉ phải đóng một khoản phí nhỏ để con cái của họ theo học.)

→ B sai

→ **Chọn đáp án B**

Question 39. Which of the following can be inferred from the passage?

A. CMS is the only school in the world that fosters a love of peace through education.

B. The students at CMS find it hard to gain recognition despite their academic excellence.

C. Teachers at CMS have been trying to instil a sense of confidence in the students.

D. CMS places a strong emphasis on supporting the overall well-being of its students.

Dựa trên đoạn văn, điều nào sau đây có thể được suy ra?

- A. CMS là trường duy nhất trên thế giới nuôi dưỡng tình yêu hòa bình thông qua giáo dục.
- B. Học sinh tại CMS cảm thấy khó khăn trong việc nhận được sự công nhận mặc dù họ có thành tích học tập xuất sắc.
- C. Giáo viên tại CMS đang cố gắng tạo dựng sự tự tin cho học sinh.
- D. CMS chú trọng mạnh mẽ đến việc hỗ trợ đến phúc lợi tổng quát của học sinh.

Thông tin:

+ For each pupil, there is also one teacher responsible for his or her health and life outside the classroom. (Mỗi học sinh cũng có một giáo viên chịu trách nhiệm về sức khỏe và cuộc sống ngoài lớp học của họ.)

→ **Chọn đáp án D**

Question 40. Which of the following best summarises the passage?

- A. CMS is an enormous school with 50,000 students, known for its focus on world peace, exam results, and international exchange programmes, with teachers supported by government funding for student well-being.
- B. The City Montessori School in Lucknow, India, educates 50,000 students with a focus on academic excellence, world peace, and personal care, earning global recognition, including a UNESCO Peace Prize.
- C. CMS, one of the largest schools in the world, serves 50,000 students and is renowned for its international exchange programmes, UNESCO Peace Prize, and government-funded resources for its pupils.
- D. CMS educates over 50,000 students in Lucknow and is celebrated for its innovative exchange programmes, world-class exam results, and a focus on world peace supported by a UNESCO Peace Prize.

Lựa chọn nào sau đây là tóm tắt tốt nhất cho cả bài đọc?

- A. CMS là một trường học khổng lồ với 50.000 học sinh, nổi bật với sự tập trung vào hòa bình thế giới, kết quả thi cử và các chương trình trao đổi quốc tế, **với các giáo viên được hỗ trợ bởi ngân sách từ chính phủ cho sự phát triển của học sinh.**
- B. Trường City Montessori ở Lucknow, Ấn Độ, đào tạo 50.000 học sinh với trọng tâm là sự xuất sắc về học thuật, hòa bình thế giới và chăm sóc cá nhân, đạt được sự công nhận trên toàn cầu, bao gồm Giải thưởng Hòa bình của UNESCO.
- C. CMS, một trong những trường lớn nhất thế giới, có 50.000 học sinh và nổi tiếng với các chương trình trao đổi quốc tế, Giải thưởng Hòa bình của UNESCO, và các nguồn lực được tài trợ từ chính phủ cho học sinh. => Sai vì không nhận tiền từ chính phủ.
- D. CMS giáo dục hơn 50.000 học sinh ở Lucknow và được tôn vinh vì các chương trình trao đổi sáng tạo, kết quả thi cử **xuất sắc** và sự tập trung vào hòa bình thế giới **được hỗ trợ bởi Giải thưởng Hòa bình của UNESCO.**

→ **Chọn đáp án B**

BẢNG TỪ VỰNG

STT	Từ vựng	Từ loại	Phiên âm	Nghĩa
1	outdoor	adj	/'aʊt.dɔːr/	ngoài trời
2	thrilling	adj	/'θrɪl.ɪŋ/	hồi hộp, ly kỳ
3	excite	v	/ɪk'saɪt/	làm phấn khích
4	challenge	n	/'tʃæl.ɪndʒ/	thử thách
5	rafting	n	/'ræf.tɪŋ/	chèo thuyền
6	exhilarating	adj	/ɪg'zɪl.ə.reɪtɪŋ/	phấn khích, kích thích
7	rope	n	/rəʊp/	dây thừng
8	dedicated	adj	/'ded.ɪ.keɪ.tɪd/	tận tâm, cống hiến
9	instructor	n	/ɪn'strʌk.tər/	người hướng dẫn
10	expert	n	/'ek.spɜːrt/	chuyên gia
11	guidance	n	/'gaɪ.dəns/	sự hướng dẫn
12	adventure	n	/əd'ven.tʃər/	cuộc phiêu lưu
13	programme	n	/'prəʊ.græm/	chương trình
14	ensure	v	/ɪn'ʃʊər/	đảm bảo, chắc chắn
15	equipment	n	/ɪ'kwɪp.mənt/	thiết bị
16	stress-free	adj	/'stres .friː/	không căng thẳng
17	located	adj	/ləʊ'keɪ.tɪd/	nằm ở, tọa lạc
18	surround	v	/sə'reʊnd/	được bao quanh
19	unforgettable	adj	/,ʌn.fər'get.ə.bəl/	không thể quên
20	stunning	adj	/'stʌn.ɪŋ/	tuyệt vời, ấn tượng
21	announce	v	/ə'naʊns/	thông báo
22	upcoming	adj	/'ʌp.kʌm.ɪŋ/	sắp tới
23	participant	n	/pɑː'tɪsɪpənt/	người tham gia
24	workshop	n	/'wɜːk.ʃɒp/	hội thảo, lớp học
25	excursion	n	/ɪk'skɜːʃən/	chuyến tham quan
26	local	adj	/'ləʊ.kəl/	địa phương
27	opportunity	n	/,ɒp.ə'tjuːn.ɪ.ti/	cơ hội
28	application	n	/,æplɪ'keɪʃən/	đơn xin
29	process	n	/'prəʊ.ses/	quá trình
30	contact	n/v	/'kɒn.tækt/	liên hệ, liên lạc
31	contribution	n	/,kɒn.trɪ'bjʊː.ʃən/	sự đóng góp
32	regional	adj	/'riː.dʒə.nəl/	khu vực
33	promote	v	/prə'məʊt/	thúc đẩy
34	evaluate	v	/ɪ'væl.juː.eɪt/	đánh giá
35	interact	v	/,ɪn.tə'rækt/	tương tác
36	initiative	n	/ɪ'nɪʃ.ə.tɪv/	sáng kiến
37	resource	n	/rɪ'zɔːs/	tài nguyên
38	regularly	adv	/'reg.jə.lər.li/	đều đặn
39	unwind	v	/ʌn'waɪnd/	thư giãn, nghỉ ngơi
40	consistently	ad	/kən'sɪs.tənt.li/	một cách nhất quán
41	relax	v	/rɪ'læks/	thư giãn
42	flexible	adj	/'flek.sə.bəl/	linh hoạt

43	passion	n	/ˈpæʃ.ən/	đam mê
44	balcony	n	/ˈbæl.kə.ni/	ban công
45	nurture	v	/ˈnɜː.tʃər/	nuôi dưỡng, chăm sóc
46	thrive	v	/θraɪv/	phát triển mạnh mẽ
47	basil	n	/ˈbæz.əl/	cây húng quế
48	mint	n	/mɪnt/	cây bạc hà
49	virtual	adj	/ˈvɜː.tʃuəl/	ảo
50	assistant	n	/əˈsɪs.tənt/	trợ lý
51	fascinating	adj	/ˈfæs.ɪ.neɪ.tɪŋ/	hấp dẫn, lôi cuốn
52	daunting	adj	/ˈdaʊ.n.tɪŋ/	đáng sợ, gây nản lòng
53	complex	adj	/ˈkɒm.pleks/	phức tạp
54	unfamiliar	adj	/ˌʌn.fəˈmɪl.i.ər/	không quen thuộc
55	entirely	adv	/ɪnˈtaɪə.li/	hoàn toàn
56	frustration	n	/frʌsˈtreɪ.ʃən/	sự thất vọng
57	achievement	n	/əˈtʃiː.v.mənt/	thành tựu, sự đạt được
58	immersive	adj	/ɪˈmɜː.sɪv/	sống động
59	broaden	v	/ˈbrɔː.dən/	mở rộng
60	perspective	n	/pəˈspek.tɪv/	góc nhìn, quan điểm
61	deepen	v	/ˈdiː.pən/	làm sâu sắc
62	appreciation	n	/əˌpriː.ʃiˈeɪ.ʃən/	sự cảm kích, sự đánh giá cao
63	reinforce	v	/ˌriː.mˈfɔːs/	củng cố, tăng cường
64	undertake	v	/ˌʌn.dəˈteɪk/	đảm nhận, thực hiện
65	patience	n	/ˈpeɪ.ʃəns/	sự kiên nhẫn
66	persistence	n	/pəˈsɪs.təns/	sự kiên trì
67	digital	adj	/ˈdɪdʒ.ɪ.təl/	kỹ thuật số
68	resonate	v	/ˈrez.ə.neɪt/	liên quan, có sự kết nối
69	wield	v	/wiːld/	có, nắm giữ
70	impact	n	/ˈɪm.pækt/	tác động
71	showcase	v	/ˈʃəʊ.keɪs/	trưng bày, phô diễn
72	intense	adj	/ɪnˈtens/	mãnh liệt, dữ dội
73	relevant	adj	/ˈrel.ə.vənt/	liên quan, phù hợp
74	engaging	adj	/ɪnˈgeɪ.dʒɪŋ/	hấp dẫn, lôi cuốn
75	popular	adj	/ˈpɒp.jʊ.lər/	phổ biến
76	transportation	n	/ˌtræn.spɔːrˈteɪ.ʃən/	phương tiện giao thông, vận tải
77	sustainable	adj	/səˈsteɪ.nə.bəl/	bền vững
78	urban	adj	/ˈɜː.bən/	thuộc về đô thị
79	revolutionise/ revolutionize	v	/ˌrevəˈluːʃənəɪz/	cách mạng hóa
80	commute	n/v	/kəˈmjuːt/	đi lại (giữa hai nơi)
81	launch	v	/lɔːntʃ/	khởi động, ra mắt
82	expand	v	/ɪkˈspænd/	mở rộng
83	reliable	adj	/rɪˈlaɪ.ə.bəl/	đáng tin cậy
84	worldwide	adv	/ˌwɜːldˈwaɪd/	toàn cầu
85	sturdy	adj	/ˈstɜː.di/	cứng cáp, chắc chắn

86	innovation	n	/,ɪn.ə'veɪ.ʃən/	sự đổi mới, sáng tạo
87	mark	n	/mɑ:rk/	dấu hiệu, đánh dấu
88	eco-friendly	adj	/,i:.kəʊ'frend.li/	thân thiện với môi trường
89	represent	v	/,rep.rɪ'zent/	đại diện, tượng trưng cho
90	signify	v	/ˈsɪɡ.nɪ.faɪ/	biểu thị, có nghĩa là
91	delight	n	/dɪ'laɪt/	niềm vui
92	square	n	/skweər/	quảng trường
93	ancient	adj	/ˈeɪn.ʃənt/	cổ đại
94	disappoint	v	/,dɪs.ə'pɔɪnt/	làm thất vọng
95	over-crowded	adj	/,əʊ.və'kraʊ.dɪd/	quá đông đúc
96	destination	n	/,des.tɪ'neɪ.ʃən/	điểm đến
97	narrow	adj	/ˈnær.əʊ/	hẹp
98	customary	adj	/ˈkʌs.tə.mər.i/	thông thường, theo phong tục
99	numerous	adj	/ˈnju:.mə.rəs/	nhiều
100	jammed	adj	/dʒæmd/	tắc nghẽn, đông đúc
101	educate	v	/ˈedʒ.u.keɪt/	giáo dục
102	award	n	/ə'wɔ:d/	giải thưởng, trao thưởng
103	exchange	n	/ɪks'tʃeɪndʒ/	sự trao đổi
104	uniform	n	/ˈju:.nɪ.fɔ:rm/	đồng phục
105	prohibitive	adj	/prə'hɪb.ɪ.tɪv/	đắt đỏ, cao ngất ngưỡng
106	low-income	adj	/ləʊ ˈɪn.kʌm/	thu nhập thấp
107	afford	v	/ə'fɔ:d/	có đủ khả năng chi trả
108	outstanding	adj	/aʊt'stænd.ɪŋ/	nổi bật, xuất sắc
109	well-being	n	/ˈwel.bi:ɪŋ/	sức khỏe, phúc lợi

BẢNG CẤU TRÚC		
STT	Cấu trúc	Nghĩa
1	at one's own pace	theo nhịp độ của riêng ai đó
2	give someone a ring	gọi điện cho ai đó
3	be new to	mới làm quen với, mới đối với
4	aim to	nhắm đến, có mục đích làm gì
5	involve doing something	bao gồm, liên quan đến việc gì
6	make out	nhận ra, hiểu ra
7	turn into	biến thành
8	bring about	mang lại, gây ra
9	put up with	chịu đựng
10	a variety of	nhiều loại
11	contribute to	đóng góp vào
12	in the light of	xét đến, dựa trên
13	with regards to	liên quan đến
14	keep up with	theo kịp
15	commit to	cam kết làm gì
16	clear my mind	làm tâm trí mình minh mẫn, thoải mái
17	take up something	bắt đầu một sở thích, hoạt động gì đó
18	strive to	phấn đấu để làm gì
19	build a foundation	xây dựng nền tảng
20	be equipped with	được trang bị với
21	bring someone together	gắn kết mọi người
22	get noticed	được chú ý, nhận ra
23	focus on	tập trung vào
24	get dressed	mặc quần áo
25	place a strong emphasis on	chú trọng đến